PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

QUẢ BÁO CỦA SA-MÔN
(SĀMAÑÑAPHALA SUTTA)

Bhikkhu Nāga Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn.

Tác phẩm 10 trong quyển

Toàn tập

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN

(NĀGA MAHĀ THERA)

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

MỤC LỤC

Tiểu Tựa

Trong dịp lễ kỷ niệm ngày thành lập Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam (Theravāda), bần tăng thấy không chi quý báu hơn là soạn một quyển sách có đầy đủ ý nghĩa theo cuộc lễ. Nên chi dầu tài hèn học kém, bần tăng cũng ráng soạn trong Tam tạng Pāli, quyển thứ 14, trang 114, "Trường bộ - Dīghānikāya", nói về "Quả báo của sa-môn (xuất gia) - Sāmaññaphala sutta", cốt yếu gợi thêm ngọn đèn đạo hạnh để soi sáng cho ai là người có chí xuất gia tìm đường tu tập để giải thoát, khỏi phải lầm đường lạc lối theo các tà giáo.

Trong Kinh có nhiều đoạn phải lặp đi lặp lại để nhấn mạnh ý nghĩa nhưng bần tăng tùy tiện giảm bớt đi cho khỏi chán tai độc giả. Hơn nữa, những câu văn trong quyển kinh mô tả theo lối cổ điển của Ấn Độ nên khi nghe qua không mấy gì hạp với văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, những lý lẽ trong kinh, bần tăng vẫn giữ nguyên vẹn, chỉ phiên dịch xuôi thôi. Xin chư quý độc giả cố gắng nhẫn nại xem suốt từ đầu đến cuối thì mới nhận thức được chân lý của pháp.

Với sự ước mong rằng: "Do nhờ ánh sáng của bộ kinh này mà nhân sinh sẽ phát sanh nhiều chánh kiến".

Do quả phước của sự phiên dịch quyển sách này, cầu xin sẽ đem lại nhiều điều hạnh phúc, an vui cho quốc gia, dân tộc Việt Nam cũng như luôn cả nhân loại khắp trên thế giới và cầu xin cho Phật giáo được thạnh hành đến 5000 năm.

Với tất cả sự mong mỏi,

Bhikkhu Nāga Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn.

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambudhassa
Tôi xin hết lòng thành kính làm lễ đến Đức Bhagavā, Ngài là bậc A-rá-hăn cao thượng, được đắc quả Chánh biến tri (Tam diệu tam bồ đề).

Chương Thứ Nhất

Evamme suttam …

Ta có nghe như vầy:[1] Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Ambavana (vườn xoài) của ông Jīvaka Komāra Bhacca gần thành Rajagaha (Vương Xá) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng 1250 vị tỳ khưu câu hội nơi ấy.

Lúc bấy giờ, đức vua Ajatasattu (A-Xà-Thế) đang trị vì trong xứ Magadha. Một hôm, đêm rằm tháng mười, nhằm ngày lễ phát lộ là ngày cuối cùng của bốn tháng mùa mưa, đức vua đang ngự trong đền báu, có cả quan, quân chầu chực, khi ấy đức vua phán rằng: "Đêm nay trăng tỏ rạng rất tốt đẹp, đáng vui thú lắm, đáng nhìn xem, đáng trong sạch, vậy, ta nên hiểu biết cái chi trong đêm nay có ích lợi? Ta nên tìm đến người nào, hoặc sa-môn hoặc bà-la-môn nào, đến ngồi gần để phát tâm trong sạch được?"

Khi Ngài phán hỏi như thế thì có một vị quan quỳ xuống tâu rằng: "Tâu Đại vương, vị giáo chủ tên Purana Kassapa là bậc có nhiều môn đệ, là thầy của một giáo phái, có nhiều thanh danh, có chủ nghĩa, nhiều người cho là bậc trí thức, là bậc đã có nhiều kinh nghiệm, tu thật lâu, bây giờ đã lão thành, vậy xin lịnh Hoàng thượng đến viếng vị ấy. Nếu Bệ hạ đến viếng Ngài thì chắc chắn thế nào cũng được thỏa mãn như ý muốn không sai". Khi vị quan ấy tâu xong đức vua vẫn ngồi làm thinh yên lặng.

Kế tiếp có một vị quan khác lại quỳ xuống tâu rằng: "Tâu lịnh Đại vương, có vị giáo chủ tên Makkhali Gosāla là bậc có nhiều đồ đệ, là thầy của một giáo phái, có nhiều danh tiếng, có chủ nghĩa, nhiều người cho là bậc trí thức, là bậc đã từng trải, đã xuất gia thật lâu, bây giờ đã đến tuổi lão thành, vậy xin Bệ hạ đến viếng vị ấy. Nếu Bệ hạ đến viếng ngài thì chắc chắn thế nào cũng được thỏa mãn như ý muốn không sai". Khi vị quan ấy tâu xong đức vua cũng vẫn làm thinh như trước.

Kế đó có một vị quan khác lại quỳ xuống tâu rằng: "Tâu lịnh Hoàng thượng, có vị giáo chủ tên Ajitakesa Kambala…[2], có vị giáo chủ tên Pakudha Kaccāyana…, có vị giáo chủ tên Sañjaya Velaṭṭhaputta…, có vị giáo chủ tên Nigaṇḍha Nāṭaputta…, là bậc có nhiều môn đệ, là thầy của một giáo phái, có nhiều danh tiếng, có chủ nghĩa, nhiều người cho là bậc trí thức, là bậc đã có nhiều sự kinh nghiệm, đã xuất gia thật lâu, bây giờ đã đến tuổi lão thành, vậy xin Bệ hạ đến viếng vị ấy. Nếu Bệ hạ đến viếng ngài thì chắc chắn thế nào cũng được thỏa mãn như ý muốn không sai". Vị quan ấy tâu xong đức vua cũng vẫn làm thinh lặng lẽ.

Lúc đó, có ông Jīvaka Komāra Bhacca[3] cũng đang ngồi nơi ấy nhưng vẫn làm thinh, đức vua bèn phán hỏi rằng: "Ông Jīvaka tại sao lại làm thinh không nói lời chi cả?" Nhân câu hỏi ấy, ông mới thừa dịp mà tâu rằng: "Tâu lịnh Hoàng thượng, có Đức Phật là bậc Chánh Biến Tri, hiện nay đang ngự trong tịnh xá của hạ thần luôn cả 1250 vị tỳ khưu tăng. Đức Phật có nhiều thanh danh lừng lẫy như thế này: Ngài là bậc đã xa lìa các tội lỗi, bậc Chánh đẳng Chánh giác,

---

[1] Thường các bộ kinh đều do ĐĐ. Ānanda thuật lại nên khởi đầu đều nói: "Ta có nghe như vầy" là đã nghe Phật nói cho biết.
[2] Mỗi vị giáo chủ đều có một vị quan tâu với vua theo ý thích của riêng mình, luôn cả thảy 6 vị.
[3] Ông Jivaka là một vị lương y của vua, của Đức Phật và luôn cả chư Tăng, ắt đại tài.

bậc đầy đủ minh và hạnh, bậc đã đến nơi an lạc đại Niết-bàn, bậc thông suốt cả tam giới, bậc có nhiều đức hạnh, bậc dạy dỗ những người đáng dạy dỗ, bậc thầy cả Chư Thiên và nhân loại, bậc thông thấu lý tứ diệu đế, bậc không còn luân hồi lại nữa. Vậy xin Bệ hạ đến viếng Đức Phật, khi Bệ hạ đến viếng Ngài thì thế nào cũng được thỏa mãn như ý muốn không sai". Khi ông Jīvaka tâu xong, đức vua liền nhận lời và ra lệnh cho ông Jīvaka sửa soạn xe giá ngựa cho Ngài đi viếng Đức Phật. Khi ông Jīvaka cho sửa soạn xong năm trăm thớt voi cái và một thớt voi đực bèn vào tâu với đức vua. Ngài lên ngự trên thớt voi chúa luôn cả năm trăm cung phi mỹ nữ mỗi người cũng đều ngự một thớt voi, luôn cả các quân tùy tùng cầm đèn đuốc sáng trưng, ra khỏi đền thẳng đến vườn Xoài của ông Jīvaka.

Khi đức vua A-Xà-Thế ngự gần đến vườn Xoài thì tâm phát sanh ghê sợ, kinh hồn, rởn ốc cả mình bèn nói với ông Jīvaka rằng: "Ông Jīvaka không gạt tôi chăng? Ông không dụ tôi chăng? Ông không dẫn tôi đem cho kẻ nghịch chăng? Vì chư tăng có nhiều đến 1250 vị mà sao không nghe tiếng ho hen, ồn ào chi cả?" Ông Jīvaka bèn tâu rằng: "Tâu Đại vương, xin Đại vương đừng sợ, tôi không gạt, không dụ Đại vương đem cho kẻ nghịch đâu. Xin Đại vương cứ đi vào, đèn còn đương đốt nơi giảng đường đó". Khi ấy đức vua A-Xà-Thế xuống voi đi chân không thẳng vào cửa giảng đường, đến nơi bèn hỏi ông Jīvaka: "Vậy chớ Đức Phật ngự nơi nào?" Ông Jīvaka trả lời rằng: "Đó, Đức Thế Tôn đang ngồi dựa vào cây cột giữa, day mặt về hướng đông đối diện với chư tăng". Đức Vua liền đến gần nơi Phật ngự, đứng một nơi phải lẽ, khi đứng xong đức vua liếc nhìn chư Tăng đang ngồi im lìm yên tịnh hết thảy. Đức Vua thấy vậy nói rằng: "Chư Tăng đang yên tịnh như thế nào thì cầu xin cho Udaya Bhadda con tôi cũng được yên tịnh như thế ấy".

Lúc ấy Đức Phật nói rằng: "Ô, Đại vương đến với sự quyến luyến tình thương mà".

Kế đó đức vua liền đảnh lễ Đức Thế Tôn và chư Tăng xong rồi ngồi nơi phải lẽ. Khi ngồi xong, đức vua liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng bác ái cho phép tôi hỏi ít điều".

– Đức Phật phán rằng: "Xin Đại vương tùy tiện hỏi đi".

– "Bạch Đức Thế Tôn, như tất cả nghề nghiệp có nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi, chăn ngựa, đánh xe, bắn tên, cầm cờ, điểm binh, vận lương, người chiến sĩ, quân đội hùng dũng, quân đội thiết giáp, người làm tôi tớ, người buôn bán, người hớt tóc, tắm rửa cho người, người nấu ăn, người kết tràng hoa, thợ nhuộm, thợ đương (đan) vỉ, người làm đồ gốm, người kế toán, hoặc các nghề nghiệp khác đều có sự lợi ích, những người ấy có thể sinh sống với nghề nghiệp của mình, được thấy rõ hiện tại và có thể làm cho cha mẹ, vợ con, bậu bạn được sự an vui, hơn nữa cũng có thể làm được những phước lành cao thượng, do nhờ phước lành ấy mà có thể được sanh về cõi Thiên đàng, được an vui có mười điều thần phước quí báu[4] cũng do nơi nghề nghiệp ấy. Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có thể chế định và tuyên bố cho thấy rõ sự lợi ích hiện tại về quả báo của bậc sa-môn xuất gia không?

– Đức Phật hỏi lại rằng: "Có lẽ Đại vương đã hỏi các bậc sa-môn, bà-la-môn khác rồi chăng?"

– Bạch Đức Thế Tôn, tôi cũng đã có hỏi nhiều vị rồi.

– Vậy chớ các vị ấy đã giảng giải như thế nào? Nếu Đại vương không lầm lộn xin thuật lại nghe coi?

---

[4] 10 điều thần phước là: sắc, thinh, hương, vị, xúc, tuổi thọ, màu da, an vui, danh vọng, tự chủ đều cao quí như của thần tiên cả.

– Đức Vua bạch rằng: “Một ngày nọ, trong thành Vương Xá này, tôi[5] có đến viếng một vị giáo chủ tên Purana Kassapa, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ. Ngồi xong, tôi liền bạch với vị giáo chủ Purana Kassapa rằng: ‘Bạch ngài, như tất cả nghề nghiệp có nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi… *(cũng giống như cách hỏi Phật ở phía trước).* Vậy chớ ngài có thể tuyên bố cho tôi biết về quả báo của bậc sa-môn xuất gia cho thấy rõ rệt hiện tại không?’ Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Purana Kassapa trả lời rằng: ‘Tâu Đại vương, có người nào tự mình làm điều tội lỗi hoặc xúi biểu kẻ khác làm; cắt tay chân người hoặc biểu kẻ khác cắt; hãm hại người hoặc biểu kẻ khác hãm hại; làm cho người đau khổ hoặc xúi biểu kẻ khác làm cho người đau khổ; làm khó dễ người hoặc xúi biểu kẻ khác làm khó dễ; tự mình kinh sợ hoặc làm cho kẻ khác kinh sợ; tự mình sát sanh hoặc xúi biểu kẻ khác sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo đều không gọi là làm điều tội lỗi; một lẽ nữa, nếu có người nào tàn sát, giết hại hết những nhân loại trên thế giới cho thành một đống thịt, do khí giới thật bén tinh xảo cũng vô tội và những hành vi ấy cũng không trả quả, dầu có người qua phía bên mặt con sông Hằng (*Gangā*) rồi sát sanh, cắt tay chân người, hãm hại kẻ khác hoặc xúi biểu kẻ khác v.v… những sự làm ấy cũng không trả quả. Hoặc có người qua phía bên mặt con sông Hằng rồi làm phước, cúng dường bố thí thì sự làm ấy cũng không kết quả chi đến người ấy đâu, hoặc có người làm lành, thu thúc thân khẩu nói lời chân chánh, thu thúc lục căn, tất cả những hành vi ấy cũng không trả quả’. Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi thầy Purana Kassapa về quả báo của sự xuất gia, thầy không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về “vô hành kiến”, cũng ví như người hỏi về cây xoài lại trả lời về cây mít. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với các bậc xuất gia đang ở trong xứ mình mà người ta có thể chỉ trích được. Nhưng tôi không vui thích, không kích bác lời nói của thầy Kassapa, tâm tôi phiền phức nhưng không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về”.

“Bạch Đức Thế Tôn, một lúc nọ, trong thành Vương Xá này tôi có đến viếng một vị giáo chủ tên là Makkhali Gosāla, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ, ngồi xong tôi liền bạch với vị giáo chủ Makkhali Gosāla rằng: ‘Bạch ngài, như tất cả nghề nghiệp có nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi,… *(như cách hỏi Phật ở phía trước)*, vậy ngài có thể tuyên bố cho tôi biết về sự lợi ích hiện tại của bậc xuất gia không?’ Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Makkhali liền trả lời rằng: ‘Tâu Đại vương, nguyên nhân làm cho chúng sanh nhơ bẩn hoặc trong sạch đều không có, chúng sanh trong sạch cũng không do một nơi nguyên nhân nào, hành vi của mình[6], hành vi của kẻ khác cũng không có, sức lực con người, sự siêng năng, tinh tấn của con người cũng không có. Tất cả chúng sanh như lừa, ngựa... hoặc các các loại có thức tánh khác, hạng bhuta (noãn sanh) hoặc các loại mễ cốc đều không có thẩm quyền, sức lực, tinh tấn trong sự làm cho mình trong sạch hay là nhơ bẩn. Những căn sanh trọng đại[7] có lối một triệu bốn trăm sáu ngàn sáu trăm loại (1.406.600), nghiệp có 500 thứ, nghiệp có năm thứ, có ba thứ, sự thực hành có 62, antara

[5] Vì Đức Phật dòng Vua nên đức Vua không dám xưng hô là Trẫm với Ngài và xưng Tôi là tỏ ý như là đàn em của Đức Phật.

[6] Hành vi của mình cho thành chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, Thinh văn, Độc giác, Chánh giác do nhờ năng lực của pháp lành nào cũng không có.

[7] Sự sanh làm người, thú vật, vua, bà-la-môn…

kappa là khoảng thời gian có 62[8], hạng người có 6[9], thời kỳ con người có 8[10], bọn Ajīvakā có 149, bọn Paribbājaka có 149, chỗ ở của Long Vương có 149, căn cứ có 120, địa ngục có 130, chất có 36, thai bào của chúng sanh hữu tưởng có 7, giống của các loại mễ cốc có 7[11], có 7 thứ ngạ quỷ, ao hồ có 7, động có 7 hay 700, thung lũng có 7 hay 700, chiêm bao có 7 hay 700, người ác hoặc thiện khi sanh tử trong vòng luân hồi độ chừng tám triệu kiếp thì tự nhiên sẽ dứt khỏi khổ. Nếu có người nhất định làm cho nghiệp chưa già cho già (là nghiệp chưa tròn đủ số), còn nghiệp đã già rồi thì cho dứt nghiệp, do nhờ giới hạnh, thực hành, tinh tấn hoặc xuất gia trong nhiều kiếp cũng không có kết quả chi, vì sự ráng làm cho dứt khỏi khổ, vui, ví như người đo lường đồ vật ấy không phải vậy đâu[12]. Sự suy vi của bậc tri thức, sự tấn hóa của kẻ ác cũng không có, thí dụ như cuồn chỉ vải người ta thải cho tháo ra hết như thế nào, kẻ ác người thiện khi tái sanh trong vòng luân hồi đúng thời kì nhất định rồi thì sẽ làm cho dứt khổ cũng được như thế ấy'. Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi thầy Makkhali Gosāla về quả báo của sự xuất gia, thầy không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về "vô nhân kiến" và sự tiến hóa của vũ trụ, cũng ví như người hỏi về cây xoài lại trả lời về cây mít vậy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với các bậc sa-môn, bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ mình mà người ta có thể chỉ trích được, nhưng tôi chỉ không vui thích, cũng không ngăn cản lời nói của thầy Makkhali, tôi chỉ có phiền phức mà không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về".

"Bạch Đức Thế Tôn, một lúc nọ, trong thành Vương Xá này tôi có đến viếng một vị giáo chủ tên là Ajīta Kesakambala, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ, khi ngồi xong tôi liền bạch với vị thầy Ajīta rằng: 'Bạch ngài, như tất cả nghề nghiệp đều có đem lại nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi,… *(như cách hỏi Phật ở phía trước)*, vậy ngài có thể tuyên bố chỉ định cho tôi thấy rõ sự lợi ích hiện tại của bậc sa-môn xuất gia không?' Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Ajīta trả lời rằng: 'Tâu Đại vương, sự bố thí, sự lễ tế, sự cúng dường thần lửa đều không có kết quả chi; sự hưởng quả tội hay phước cũng không có, đời hiện tại, đời vị lai cũng không có[13], hành vi cung phụng phải quấy chi với cha mẹ cũng không có trả quả, chúng sanh thuộc hạng hóa sanh không có, các bậc sa-môn, bà-la-môn cùng nhau hành đạo cho đặng giác ngộ cũng không có, khi con người chết thì thân tứ đại: đất, nước, lửa, gió này sẽ trở thành tứ đại bên ngoài theo vũ trụ, lục căn cũng tiêu tan trên hư không chỉ còn bốn người khiêng cái giường tử thi đem ra mộ địa, tội lỗi, phước đức chi cũng chấm dứt nơi ấy, kết quả chỉ còn đống xương xám trắng thôi, các vật lễ làm hỏa táng ấy chỉ còn đống tro tàn là kết quả cuối cùng. Sự nói làm phước bố thí là được phước, đó là lời nói của kẻ ác nói láo vậy thôi, người thiện, người ác gì khi chết rồi cũng tiêu tan mất hết'. Bạch Đức Thế Tôn, tôi hỏi thầy Ajīta về quả báo của sự xuất gia, nhưng thầy không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về "đoạn kiến", cũng ví như người hỏi về

[8] Trong 1 đại kiếp có 64 tiểu kiếp, nhưng thầy Makkhali không biết rõ nên nói 62.

[9] Hạng người có 6 là: người đen là ám chỉ bọn thợ săn, người xanh ám chỉ các thầy tỳ khưu trong Phật pháp, người đỏ là bọn nigaṇḍha, người vàng là bọn tu lõa thể, người trắng là bọn ajivaka mặc đồ trắng, người thiệt trắng là bọn nandagotra và vacchagotra.

[10] Lúc còn khờ dại là mới sanh lối bảy ngày, lúc khóc hay cười trẻ nào từ cảnh khổ sanh lại vì còn nhớ những ngày khổ hình nên thường hay la khóc, trẻ nào từ nhàn cảnh tái sanh vì nhớ sự vui thú nên thường hay cười (mà ta gọi là bà mụ dạy), lúc mới tập đi, lúc đi cứng cáp, lúc học hành các môn, lúc thành tài, lúc xuất gia, lúc già cả.

[11] Bảy thứ mễ cốc là: lúa soli, lúa sẽ, lúa nếp, lúa rừng (trời), bo bo, cỏ gạo (thứ chim cu ăn), lúa mì (bông và cây như cây bắp).

[12] Đây toàn là những tư tưởng và kiến thức sai lầm của bọn ngoại đạo và luôn các chủ nghĩa của năm vị kia cũng vậy đều không đúng theo chủ nghĩa của Phật giáo.

[13] Ý nói kiếp này cũng không có liên quan đến kiếp vị lai, kiếp vị lai cũng không liên quan gì đến kiếp này, là chúng sanh sanh trong kiếp nào khi chết thì tiêu mất không có tái sanh lại đâu cả. Đây là tư tưởng sai lầm của phái "vô quả kiến" và đoạn kiến.

cây xoài lại trả lời về cây mít vậy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với các bậc sa-môn, bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ mình mà người ta có thể kích bác được. Tôi không thỏa thích, không bác bẻ lời nói của thầy Ajīta, tâm tôi phiền phức nhưng không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về".

"Bạch Đức Thế Tôn, một lúc nọ, trong thành Vương Xá này tôi có đến viếng một vị giáo chủ tên là Pakudha Kaccāyana, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ, khi ngồi xong tôi liền bạch với vị thầy Pakudha rằng: 'Bạch ngài, như tất cả nghề nghiệp đều có đem lại nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi,… *(như cách hỏi Phật ở phía trước*), vậy ngài có thể chế định cho tôi thấy rõ về sự quả báo của bậc xuất gia không?' Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Pakudha trả lời rằng: 'Tâu Đại vương, thân này có bảy thứ là: đất, nước, lửa, gió, vui, khổ, sanh mạng, bảy thứ này không có ai làm ra được, không có phương pháp nào để làm ra, không ai có thần thông mà biến hóa ra được, không ai tạo ra, có trạng thái tự nhiên vững chắc như núi non, như cột trụ, không rung động, thay đổi, không đụng chạm nhau, không thể làm cho nhau vui khổ được; tự mình giết hại hoặc bảo kẻ khác giết hại; tự mình nghe hoặc biểu kẻ khác nghe, tự mình biết hoặc làm cho kẻ khác biết cũng đều không có trong thân này. Hoặc như có người cắt đầu kẻ khác bằng khí giới thật bén cũng không phải ai giết ai cả, khí giới chỉ đi ngang qua khoảng giữa của bảy thứ chất ấy thôi'. Bạch Đức Thế Tôn, tôi hỏi thầy Pakudha về quả báo của sự xuất gia, nhưng thầy không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về chuyện phi lí đâu đâu, cũng ví như người hỏi về cây xoài lại trả lời về cây mít vậy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với các bậc sa-môn, bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ mình mà người ta có thể chỉ trích được. Tôi không vui thích, không kích bác lời nói của thầy Pakudha, tâm tôi phiền phức nhưng không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về".

"Bạch Đức Thế Tôn, một lúc nọ, trong thành Vương Xá này tôi có đến viếng một vị giáo chủ tên là Nigaṇḍha Nāṭaputta, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ, khi ngồi xong tôi liền bạch với vị thầy Nigandha rằng: 'Bạch ngài, như tất cả nghề nghiệp đều có đem lại nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi,… *(như cách hỏi Phật ở phía trước)*, vậy ngài có thể chế định cho tôi thấy rõ về sự lợi ích hiện tại của bậc xuất gia không?' Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Nigandha trả lời rằng: 'Tâu Đại vương, trong đời này phái Nigaṇḍha chúng tôi phải thu thúc bốn điều là: 1- cấm không được dùng xài các thứ nước lạnh[14], 2- phải dùng các thứ nước[15], 3- phải dứt bỏ tội lỗi do mọi thứ nước, 4- phải rải các thứ nước[16]. Tâu Đại vương, phái Nigaṇḍha đã thu thúc trong bốn điều ấy nên người ta gọi là bậc đã thu thúc thân rồi, đã đạt đến cuối cùng của phẩm hạnh, đã được tốt đẹp vậy'. Bạch Đức Thế Tôn, tôi hỏi thầy Nigandha về quả báo của bậc sa-môn xuất gia, nhưng thầy Nigandha không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về bốn điều thu thúc tội lỗi, cũng ví như người hỏi về cây xoài lại trả lời về cây mít vậy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với các bậc sa-môn, bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ mình mà người ta có thể chỉ trích được. Tôi không vui thích, không kích bác lời nói của thầy Pakudha, tâm tôi phiền phức nhưng không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về".

"Bạch Đức Thế Tôn, một lúc nọ, trong thành Vương Xá này tôi có đến viếng một vị giáo chủ tên Sañjaya Velaṭṭhaputta, sau khi câu chuyện hàn huyên để bày tỏ tình thân mật, tôi mới ngồi nơi phải lẽ, khi ngồi xong tôi liền bạch với vị thầy Sañjaya rằng: 'Bạch ngài, như tất cả nghề

[14] Vì cho rằng trong nước lạnh có chúng sanh (sanh mạng).
[15] Là ý nói phải ngăn ngừa tất cả tội lỗi.
[16] Tiếng nói nước là ám chỉ sự ngăn ngừa đường tội lỗi.

nghiệp đều có đem lại nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi,… *(như cách hỏi Phật ở phía trước)*, vậy ngài có thể tuyên bố cho tôi thấy rõ về sự lợi ích hiện tại của bậc sa-môn xuất gia không?' Bạch Đức Thế Tôn, khi tôi hỏi như thế thì thầy Sañjaya trả lời rằng: 'Tâu Đại vương, nếu Đại vương hỏi tôi kiếp vị lai có không thì sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không phải[17], như thế kia cũng không phải[18], hoặc sự hiểu biết của tôi không phải cũng không[19], hoặc là sự hiểu biết của tôi không phải cũng không, cũng không phải vậy[20], sự hiểu biết của tôi như thế khác cũng không[21]. Theo sự hiểu biết của tôi, đời vị lai không có, đời vị lai khi có khi không, đời vị lai có cũng không phải, không có cũng không phải; chúng sanh về hạng hóa sanh có, không có, khi có khi không, có cũng không phải, không có cũng không phải vậy. Còn nói về quả báo của nghiệp thiện hoặc ác, theo sự hiểu biết của tôi cho rằng quả báo ấy có, cái có, cái không, có cũng không phải, không có cũng không phải vậy; nếu Đại vương hỏi tôi về chúng sanh sau khi chết có tái sanh lại không, theo tôi sau khi chết chúng sanh tái sanh lại cũng không phải, không tái sanh lại cũng không phải; sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không phải, như thế kia cũng không phải, như thế khác nữa cũng không phải, sự hiểu biết của tôi không phải cũng không, hoặc không phải cũng không, cũng không phải vậy'. Bạch Đức Thế Tôn, tôi hỏi thầy Sañjaya về quả báo của bậc sa-môn xuất gia thì thầy Sañjaya không trả lời theo câu hỏi của tôi, trái lại giải về sự lộn xộn, tráo trở không dứt khoát cái chi, cũng ví như người hỏi về cây xoài lại trả lời về cây mít vậy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi nghĩ rằng: Người như tôi không lẽ trong sạch với bậc sa-môn, bà-la-môn xuất gia như thầy Sañjaya thật ngu si, mê muội, thái quá hơn tất cả các bậc sa-môn khác đang cư ngụ trong lãnh thổ mình mà người ta có thể chỉ trích được. Tôi không vui thích, không kích bác lời nói của thầy Sañjaya, tâm tôi rất phiền phức nhưng không nói ra, chỉ không để ý đến lời nói ấy rồi đứng dậy ra về".

---

[17] Theo chú giải ý nói để ngăn ngừa người ta hỏi về nhiều việc không nhất định được.

[18] Là ý nói để ngăn ngừa sự hỏi của người thường kiến là hỏi đời bền vững hay không bền vững.

[19] Là ý nói để ngăn ngừa người hỏi về đoạn kiến là cho rằng sau khi chết thì tiêu mất không sanh lại đâu cả.

[20] Là ý nói để ngăn ngừa về sự cho rằng, người ta khi chết rồi cũng không phải có sanh lại, hoặc cũng không phải không sanh lại.

[21] Là ý nói để ngăn ngừa về lời nói đời bền vững cũng có, không bền vững cũng có.

Chương Thứ Hai

Bạch Đức Thế Tôn, như tất cả nghề nghiệp đều có đem lại nhiều sự lợi ích hiện tại như là: nghề chăn voi, v.v… Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có thể chế định cho tôi thấy rõ sự lợi ích hiện tại của bậc xuất gia không?

Đức Phật bèn trả lời rằng: "Như Lai có thể tuyên bố được, vậy Như Lai xin hỏi Đại vương, Đại vương hiểu như thế nào xin nói như thế ấy, thí dụ như có vị quan lại hầu hạ Đại vương hết tất cả công việc triều chánh, rất vừa lòng đẹp ý, là người nói những lời đáng thương mến và rất tôn kính Đại vương. Người ấy lại suy nghĩ rằng: 'Ồ lạ thay! Đây là sự hưởng báu của đức vua rõ rệt, vì Ngài cũng là người như ta, tại sao mà Ngài được hưởng mọi sự vui thú của cõi đời, có nhiều người hầu hạ như bậc Chư Thiên? Còn ta đây sao lại hầu hạ người vậy, đây chính là quả phước báu của Ngài đã tạo từ kiếp trước kia không sai, vậy ta cũng nên tạo phước báu như Ngài'. Suy nghĩ kỹ, y xin từ chức để xuất gia tu hành, y cạo râu tóc, mặc y ca-sa để xuất gia. Một lúc sau, người ấy đã hoàn toàn là một bậc xuất gia có đầy đủ sự thu thúc thân, khẩu, ý, có tri túc trong bốn món vật dụng, ưa thích nơi ở thanh vắng. Trong lúc ấy có người đến tâu cho Đại vương hay về người quan hầu ấy nay đã xuất gia có nhiều đức hạnh tốt đẹp. Tâu Đại vương, khi nghe tin ấy Đại vương có nên nói như thế này: 'Người ấy phải trở lại hầu hạ Trẫm như trước không?'

– "Bạch Đức Thế Tôn, không nên biểu như vậy đâu, theo sự thật, chúng tôi nên tiếp đãi, đảnh lễ người ấy, nên mời ngồi, nên dâng cúng vật thực, chỗ ngụ, y phục và thuốc men, lại nên cho người chăm sóc, bảo bọc người ấy theo đúng lẽ phải".

– "Tâu Đại vương, theo như chuyện ấy, Đại vương hiểu như thế nào, quả báo hay là sự lợi ích hiện tại của bậc sa-môn xuất gia có thấy rõ rệt không?"

– "Bạch Đức Thế Tôn, theo như câu chuyện này thì quả báo của sự xuất gia đã thấy rõ rệt vậy".

– "Tâu Đại vương, đó Như Lai có thể chế định quả báo của sự xuất gia như thế ấy".

– Đức Vua lại bạch thêm rằng: "Đức Thế Tôn có thể tuyên bố thêm quả báo của sự xuất gia khác cao thượng hơn đó nữa không?"

– "Tâu Đại vương, như có người cày ruộng vất vả để làm cho được có lúa gạo (sau khi suy nghĩ kỹ rồi cũng đi xuất gia… (*cũng giống cách giải đoạn trên*)…

Rồi Đức Phật lại giải thêm cho đức vua nghe rằng: "Tâu Đại vương, Như Lai giáng sanh trong cõi thế gian này là bậc đã xa lìa các tội lỗi, bậc Chánh đẳng Chánh giác, bậc đầy đủ minh và hạnh, bậc đã đi đến nơi an lạc Đại Niết-bàn, bậc thông suốt cả tam giới, bậc có nhiều đức hạnh, bậc dạy dỗ những người đáng dạy dỗ, bậc thầy cả Chư Thiên và nhân loại, bậc thông thấu lý tứ diệu đế, bậc không còn luân hồi lại nữa. Như Lai tự giác ngộ và làm cho tất cả Chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, luôn cả chúng sanh trên thế giới và các bậc sa-môn, bà-la-môn cũng được giác ngộ theo, Như lai thuyết Pháp rất tốt đẹp khoản đầu, khoản giữa và khoản chót, đầy đủ ý nghĩa về triết hạnh, lúc ấy các bậc phú gia hoặc con của bậc phú gia hoặc người nào chẳng hạn được nghe pháp ấy rồi phát tâm trong sạch rất tin tưởng và suy nghĩ rằng: 'Người tại gia rất bận rộn, tạo những điều tội lỗi và phiền não chảy vào, chỉ có xuất gia mới đầy đủ thời giờ rảnh rang, vì phạm hạnh ấy người tại gia khó gìn giữ được trong sạch trọn vẹn, trơn láng như ốc xà cừ, vậy ta nên xuất gia thì tốt hơn'. Một lúc sau, người ấy dứt bỏ của cải gia tài, thân bằng quyến thuộc ít nhiều chẳng hạn, rồi cạo tóc, râu, mặc y ca-sa đi xuất gia. Khi xuất gia xong, người ấy thu thúc theo giới bổn Pātimokkha trong tứ oai nghi đầy đủ hạnh

kiểm, ghê sợ tội lỗi dầu nhỏ nhen chút ít, thọ trì các điều học, thân khẩu chân chánh, sự nuôi mạng trong sạch, là người đầy đủ giới hạnh, trang nghiêm, thu thúc lục căn, có tri túc, có sự ghi nhớ (*sati*) và biết mình (*sampajañña*).

1. Phần tiểu giới

"Thầy tỳ khưu có đủ giới hạnh là thế nào? Tâu Đại vương, thầy tỳ khưu trong giáo pháp này dứt bỏ, tránh xa sự sát sanh, đã lìa bỏ khí giới và roi, thước, có sự ghê sợ tội lỗi, có lòng trắc ẩn, là người cứu độ đến sanh mạng chúng sanh. Thầy tỳ khưu ấy đã dứt bỏ, tránh xa sự trộm cắp, chỉ thọ lãnh lấy những vật nào mà người ta dâng, cho; có thân trong sạch, không phải là kẻ đạo tặc. Thầy tỳ khưu ấy đã dứt bỏ, tránh xa sự hành dâm là pháp thấp hèn của kẻ thế, đã tránh xa sự nói dối, nói những lời chân chánh, thuật lại sự thật, nói lời đúng đắn đáng cho người tin cậy, không nói gạt gẫm kẻ khác, đã dứt bỏ, tránh xa sự nói đâm thọc, nghe nơi này không đem nói lại nơi kia làm cho chia rẽ hai bên, là người hay giảng hòa cho người đã chia rẽ, tiếp sức thêm cho những người đã có sự hòa hảo càng được thêm ưa thích với nhau, là người chỉ nói những lời làm cho hòa thuận. Thầy tỳ khưu đã dứt bỏ, tránh xa lời nói độc ác, chửi mắng, chỉ nói những lời vô tội, lời nói êm dịu, đáng thương mến, đáng để vào tâm, làm cho người vừa lòng đẹp ý; lại tránh xa lời nói vô ích, viển vông, chỉ nói lời thành thật, có lý, nói pháp và luật trong lúc nên nói, nói lời người nên để vào tâm, lời đáng tin cậy, lời nói nhứt định, lời có sự lợi ích, đó là giới hạnh của thầy tỳ khưu vậy".

"Thầy tỳ khưu lại tránh xa sự làm hư hại đến tất cả các hạt giống và loài thảo mộc, xa lánh sự ăn sái giờ là ăn buổi chiều, buổi tối, chỉ độ mỗi ngày một lần trước khi đúng ngọ; xa lánh sự coi hát xướng, nghe âm nhạc vì nó là pháp làm cho tai hại đến pháp hành; xa lánh sự trau dồi trang điểm thân thể bằng bông hoa, sự thoa xức dầu thơm, giồi thoa mình đủ cách; xa lánh nơi cao sang quảng đại là chỗ nằm, ngồi quá cao và quý báu; xa lánh thọ lãnh vàng bạc, mễ cốc lúa thóc (chưa nấu chín); xa lánh sự thọ lãnh phụ nữ và thiếu nữ, tôi trai, tớ gái, dê, trừu, heo, gà, voi, bò, ngựa, hoặc vườn ruộng; lại xa lánh sự mang thơ đem tin tức hoặc làm tay sai cho kẻ thế; xa lánh sự buôn bán, sự lường gạt người bằng cách lường cân tráo đấu, hoặc đồ giả nói là thật, giả mạo để gạt người; hoặc chặt tay chơn cột trói giết hại, lén núp ẩn cướp giựt, hăm dọa để sang đoạt của người, đó là những giới hạnh của vị tỳ khưu vậy".

2. Phần trung giới

"Có hạng sa-môn hoặc bà-la-môn khi xuất gia rồi, khi thọ thực xong của người cúng dường do đức tin trong sạch, lại thường làm cho hư hại đến các giống thảo mộc như giống phát sanh do nơi củ hoặc rễ, cây, mắt (như tre), đọt, hạt, thầy tỳ khưu cố ý tránh xa sự làm sai ấy".

"Có hạng sa-môn, bà-la-môn thường thọ dụng vật dụng mà tự mình cất giữ lấy như: cơm, bánh, y phục, xe cộ, chỗ nằm ngồi, vật thoa xức và tất cả các thứ vật thực[22], thầy tỳ khưu xa lánh cách thọ dụng ấy".

"Lại nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn thường hay đi coi hoặc nghe các trò chơi âm nhạc, hoặc các trò chơi khác có tai hại đến pháp lành là: múa, hát, vỗ tay cho ăn nhịp, đờn kèn, giặc giã, cồn, kiểng, trống phách, hình đào kép, trò trồng tre rồi leo lên múa, cho bò cụng lộn, ngựa cắn lộn, trâu báng lộn, voi đụng lộn, dê, trừu đụng lộn, gà đá lộn, chim đá lộn, tập nghề võ đấu côn, đấu quyền, đánh giặc, đi coi tập binh, điểm binh, coi trại lính; thầy tỳ khưu đều lánh xa tất cả các trò vui chơi ấy".

[22] Đây là nói cách cất giữ sái luật, cất vật đúng theo luật thì vô tội.

"Hơn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay ưa thích theo các trò chơi cờ như là: cờ tướng có 8 ô vuông hoặc 10 ô vuông, cờ tướng trên hư không là đánh cờ bằng miệng, cút bắt, bắn đạn bi hay là búng sạn sỏi cho trúng nhau, đánh cờ người, giỡn với bò con, rảy màu lên giấy để bàn ra chuyện này kia, chơi trái tràm, thổi kèn bằng lá, chơi cày bừa nho nhỏ, đánh vòng, trồng chuối ngược (là đi bằng 2 tay, 2 chân đưa lên trời), lường cát, chơi đất, chơi xe, chơi cung tên nhỏ, viết chữ trên hư không rồi bàn, giả bộ nhái nhau để cười chơi, chơi cách vua muốn[23]; thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả các sự chơi vô ích ấy. Đó là giới hạnh của thầy tỳ khưu vậy".

"Một lẽ nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay dùng xài sàng cao quảng đại đủ thứ như là: chỗ ngồi cao quá luật[24], giường ghế chân tiện hình thú dữ, khảm bằng lông thú cao hơn bốn ngón, khảm thêu hình thú dữ, khảm làm toàn bằng lông thú trắng, khảm làm bằng lông thú có nhiều bông hoa, chỗ ngồi có dồn gòn, khảm bằng lông thú, lòng dựng lên ngã về một phía hoặc hai phía, khảm làm bằng dây vàng, bạc, tơ xe, chung lại, khảm có xỏ những báu vật, khảm làm bằng lông thú, lớn vừa cho mười sáu người nữ khiêu vũ nhảy múa được, khảm trải trên lưng voi, lưng ngựa, trên xe, khảm làm bằng da cọp, da mang, gối kê đầu và gác chân đều toàn màu đỏ. Thầy tỳ khưu đều xa lánh sự dùng xài các vật quí báu ấy".

"Hơn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay sửa soạn, trang điểm thân mình như là: thoa xức các vật thơm để làm cho mất mùi hôi hám, đấm bóp, tắm rửa, bắt gân, soi hình, giồi mình, đeo tràng hoa, dùng vật xoa thức, đồ thoa mặt có chấm chấm, giồi mặt, đồ đeo tay, đồ cột tóc, cầm ba ton, đao, gươm, dù lọng, giày làm sái luật, đội mão, đeo hột xoàn, quạt bằng lông thú, vải trắng, vải có ren dài ở 2 đầu. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả sự trang điểm như thế ấy".

"Hơn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay nói những điều viển vông vô ích là nói "*Tiracchānakathā*"[25] như: nói về vua chúa, về tướng cướp, quan đại thần, về tướng soái, về sự kinh sợ, sự chiến tranh, vật thực, nước uống, vải hàng, chỗ nằm, bông hoa, vật thơm, về thân quyến, xe cộ, về làng xóm, tỉnh, xứ, bến nước, thân quyến đã quá vãng, cõi vũ trụ, biển giả, nói sự vô ích thế này thế kia, nói về sự suy vi hoặc tiến hóa. Thầy tỳ khưu đều xa lánh nói viển vông vô ích như thế ấy".

"Một lẽ nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay cãi cọ hơn thua như nói: người không phải hiểu biết pháp và luật đâu, tôi đây mới là người hiểu biết, người hiểu biết pháp và luật sao được, người hành sai, tôi hành mới đúng đắn, lời nói nào của tôi cũng đều có lợi ích, lời nói của người đều vô ích cả, lời nên nói trước người lại nói sau và nói ngược lại, lời nói của người nói sái lâu lắm rồi, tội lỗi do lời nói của người tôi đã bắt được, đã đè nén thắng được rồi, vậy người đi học thêm nữa đi, rồi sẽ nói chuyện trả lời với tôi, như người có giỏi thì trả lời bây giờ đi. Thầy tỳ khưu đều xa lánh những lời nói hơn thua như thế ấy".

"Lại nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay làm tay sai cho kẻ thế như là vua chúa, bà-la-môn, điền chủ hoặc các trẻ con sai biểu các bậc xuất gia ấy đi chỗ này chỗ

---

[23] Là chơi cách chia ra hai bên nam và nữ, rồi bọn bên nam nói nhỏ tên bên nữ, bên nữ cũng nói tên bên nam, nếu hai bên nói trúng nhau thì bắt nhau qua lại giả làm vợ chồng.

[24] Là chỗ nằm ngồi cao quá bốn ngón tay Đức Phật (lối năm tấc tây) kể từ thanh giường phía dưới trở xuống, đây là chỗ ngồi nằm có bốn chi là bốn cẳng. Nếu làm đủ bảy chi là bốn cẳng, hai tay vịn và một chỗ dựa, thì dầu có cao quá luật cũng vô tội, như pháp tọa chẳng hạn (theo lời chú giải).

[25] *Tiracchanakatha*: là nói viển vông bông lông vô ích, không có lợi cho sự tu hành giải thoát cho mình và cho người. Như nói ông vua này có nhiều uy thế, sang trọng, ông vua kia yếu hèn hơn, không mấy uy quyền (vì ông vua nào không quyền thế, sang trọng nên nói cũng vô ích). Nếu nói ông vua đó có nhiều quyền thế sang trọng nhưng có nhiều đức tin, có đạo đức, biết tu hành, bố thí, trì giới, tham thiền… nói như thế thì nên nói.

kia, đem vật này đi, đem vật khác lại, thầy tỳ khưu đã xa lánh những sự mang tin tức thơ từ của kẻ thế sai biểu như thế ấy".

"Một lẽ nữa, có bậc sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay làm bộ gạt gẫm kẻ thế cho kiêng nể, cung kính mình do sự dùng xài các món vật dụng, hoặc nói bợ đỡ kẻ thế, nói xa nói gần, hăm dọa mắng nhiếc kẻ thế, muốn kiếm lợi do nơi lợi lộc (là được của người này đem cho người khác để cầu lợi lớn hơn). Thầy tỳ khưu đều xa lánh các sự làm giả dối ấy".

"Đó là giới, hạnh của thầy tỳ khưu vậy".

3. Phần đại giới

"Trong thế gian này có hạng sa-môn, bà-la-môn đã thọ thực của người tín thí do đức tin rồi thường hay làm điều tà mạng để nuôi mạng sống bằng các môn học đê hèn (*tiracchānavījjā*) như là coi tay, bàn điềm lành dữ, như sét đánh, v.v…, bàn chiêm bao, coi tướng, bàn vật bị chuột, mối cắn; chỉ cách tế thần lửa, cách cúng tế bằng ngọc, bằng trấu, bằng cám, bằng gạo, bằng sữa, bằng dầu, bằng miệng[26], bằng máu, chỉ cách xây địa lý để cất nhà cho có lợi, về vườn ruộng tốt xấu, coi ma quỉ, bắt ma quỉ, cách ếm đối nhà cửa, cách kêu rắn và trừ nọc rắn, cách chữa bịnh ung thư, cách giải độc bị bò kẹp, rít, chuột cắn, cách bàn tiếng con thú hoặc chim kêu, quạ kêu, coi tuổi, cách ngăn ngừa tên đạn không cho trúng, cách coi dấu chân thú rừng[27]. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả những sự nuôi mạng không chân chính ấy".

"Một lẽ nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay làm điều tà mạng khác nữa như là: bàn về tướng của cục ngọc, của hàng vải, của gậy, roi, khí giới, đao, tên, cung, súng, coi tướng phụ nữ, nam nhơn, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, voi, ngựa, dê, trâu, bò, trừu, gà, chim, các hình vẽ, coi nóc nhà, hình rùa, hình thú rừng. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả sự làm không chân chính ấy".

"Hơn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay làm điều tà mạng để nuôi sống như là: bàn coi ngày nào đức vua ra trận sẽ thắng, ngày nào nên trở về thành, lúc nào nên xông tới, lúc nào nên thối lui, nếu đức vua ở trong thành sẽ thắng, ở ngoài thành sẽ bại, hoặc cách ngược lại, hoặc bàn vị này sẽ thắng trận, vị kia sẽ bại[28]. Thầy tỳ khưu đều xa lánh cách nuôi mạng sống không chân chính ấy".

"Hơn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay nuôi mạng bằng cách đê hèn khác nữa như là: bàn đến ngày đó sẽ có nguyệt thực, nhật thực, ngày nào sao hôm sao mai hiệp nhau, hoặc đi ngang qua mặt trăng mặt trời; mặt trăng, mặt trời đi chung một đường hay đi sái đường nhau, các vì sao cũng như cách ấy, bữa nào sẽ có ánh sáng từ trên hư không rớt xuống, sẽ có sự nóng một phía trời, sẽ có động đất, sẽ có sấm sét; mặt trời, mặt trăng, sao sẽ mọc lên hoặc lặn đi sẽ được trong sạch hay là nhơ bẩn; nguyệt thực, nhật thực sẽ đem lại sự vui khổ như thế này, sao mọc lên hợp chung nhau cũng vậy; mặt trăng, mặt trời, chòm sao mà đi chung nhau hay là sái đường nhau sẽ đem lại sự vui khổ cho nhơn loại như thế này thế kia; ánh sáng trên không rơi xuống, sự động đất, trời gầm sấm sét, mặt trời, mặt trăng, chòm sao lặn mọc, tỏ hay lu mờ sẽ đem lại sự vui khổ cho nhơn loại thế này thế kia. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả các nghề nuôi mạng sống không chân chính như thế ấy".

"Còn nữa, có nhiều hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay bàn hoặc dạy những nghề nghiệp đê hèn để nuôi mạng sống như là: bàn coi năm nay mưa nhiều, ít, có lúa gạo dồi

---

[26] Là miệng ngậm vật tế như hột cải đem vào trong lửa để tế, hoặc cách đọc cúng tế bằng miệng không.
[27] Là để bàn và chỉ cho các thợ săn.
[28] Bàn như vậy để cho người nhớ ơn dâng cúng tứ vật dụng cho mình.

dào hay thiếu kém, có sự yên ổn hay là ghê sợ, sẽ có bịnh hoạn hay vô bịnh, dạy cách đếm tay không, làm toán, tính mão, làm thơ phú, dạy sách giải về vũ trụ (như giải tại sao con quạ đen, cò trắng,..). Thầy tỳ khưu đều xa lánh những nghề nuôi mạng không chân chính ấy".

"Còn nữa, có nhiều hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay bàn hoặc dạy những nghề đê hèn khác nữa để nuôi mạng sống như là: chỉ cách cưới gả, cách bỏ ngãi mê, cách làm cho xa lìa nhau, cách thâu tiền, cách buôn bán, cách làm cho thương yêu nhau, ghét nhau, cách dưỡng thai, cách làm cho á khẩu, tà thuật làm cứng hàm, cho điếc tai, hỏi gương là cách cầu Chư Thiên nhập vào gương rồi hỏi chuyện lành dữ, hỏi cô gái ngồi đồng, hỏi Chư Thiên cầu nhập vào người, cách thờ mặt trời, cách thờ Đại Phạm Thiên, cách thổi trong miệng cho ra lửa, cách gọi thần tài đến an trụ. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả các nghề nuôi mạng không chân chính ấy".

"Còn nữa, có hạng sa-môn, bà-la-môn xuất gia rồi thường hay làm những nghề đê hèn để nuôi mạng sống như là: chỉ cách cúng vái, cách tế lễ, ếm đối ma qui, ếm đối nhà cửa, làm cho người lại cái giống đàn ông và ngược lại, cách cất nhà, cách cúng tế đất đai, rửa mặt cho sạch rồi cho nước dư đến người, xối nước tắm cho người, tế thần lửa, làm thuốc cho mửa, làm thuốc xổ, làm thuốc chữa bịnh phía trên phía dưới, chữa bịnh nhức đầu, nấu dầu để nhỏ lỗ tai, làm thuốc xông con mắt, thuốc ngửi, thuốc thoa xức, thuốc mát, làm thầy mổ xẻ, trị bịnh trẻ con, cách dã thuốc độc. Thầy tỳ khưu đều xa lánh tất cả những cách làm đê hèn để nuôi mạng như thế ấy".

"Đó là những giới hạnh của thầy tỳ khưu vậy. Tâu Đại vương, những sự sợ sệt nào mà phát sanh lên do nơi sự không thu thúc trong giới hạnh, thì thầy tỳ khưu không có những sự sợ sệt ấy nữa đâu, ví như sự kinh sợ nào của một đức vua vừa mới được tôn vương, nhưng đức vua đã trừ hết tất cả những sự kinh sợ ấy là kẻ nghịch rồi thì dầu ở một nơi nào đức vua ấy cũng không có sự sợ sệt nữa cũng như thế ấy. Thầy tỳ khưu ấy đã được giới hạnh trong sạch như của các bậc thánh nhơn rồi thì thường hưởng sự an vui thanh tịnh trong thân tâm. Tâu Đại vương, đó là cách đầy đủ giới hạnh của vị tỳ khưu vậy".

4. Quả báo sa-môn

"Tâu Đại vương, trong giáo pháp của Như Lai, thầy tỳ khưu phải thu thúc lục căn cho thanh tịnh là khi nhãn căn tiếp xúc với sắc trần, tâm không để ý đến thể tướng và phụ tướng của sắc ấy, hai pháp ác là vui thích và bất bình thường hay ám ảnh đè nén tâm của người không thu thúc nhãn căn, nhưng hai pháp ấy không thể làm hại đến tâm của vị tỳ khưu đã thu thúc; khi nhĩ căn tiếp với thinh trần – khi tỷ căn tiếp xúc với khí trần – khi thiệt căn tiếp xúc với vị trần – khi thân căn tiếp xúc với xúc trần – khi ý căn tiếp xúc với pháp trần – tâm không để ý đến thể tướng và phụ tướng của pháp trần ấy, hai pháp ác là vui thích và bất bình thường hay ám ảnh đè nén tâm của người không thu thúc ý căn, nhưng hai pháp ác ấy không thể nào làm hại được đến tâm của thầy tỳ khưu đã thu thúc ý căn vậy. Khi thầy tỳ khưu đã thu thúc lục căn theo bậc thánh nhơn như thế ấy thì hằng hưởng được sự an tịnh không lẫn lộn với phiền não bên trong.

Tâu Đại vương, vị tỳ khưu ấy lại có sự ghi nhớ và biết mình là: khi đi tới hoặc thối lui cũng biết rõ, khi ngó ngay tới hoặc ngó hai bên, khi xòe tay ra hay nắm tay vô, khi mặc y mang bát, khi thọ thực, uống nước cũng đều biết rõ, hoặc khi đại tiện, tiểu tiện, khi đứng, đi, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói chuyện, làm thinh đều biết rõ rệt không quên mình.

Thầy tỳ khưu có đủ sự ghi nhớ và biết mình như thế ấy. Tâu Đại vương, thầy tỳ khưu trong giáo pháp này là bậc tri túc (*santosa*) trong y phục để che thân, trong vật thực, mỗi khi đi đâu chỉ có đem theo các món phụ tùng y bát thôi, cũng ví như loài phi cầm đi đâu chỉ có đem theo cặp cánh để bay vậy thôi, thì thầy tỳ khưu tri túc cũng chỉ đem theo các món y bát như thế.

Thầy tỳ khưu ấy, khi đã có giới hạnh, thu thúc lục căn, có sự ghi nhớ và biết mình, tri túc theo hạnh của các bậc thánh nhơn lại thích ở nơi thanh vắng như là: ở trong rừng, dưới cội cây, trên núi, trong động, rừng mả mồ, rừng thưa, hoặc nơi đồng trống, nơi đống cỏ rơm; sau khi đi bát về thọ thực xong rồi ngồi kiết già hoặc bán già, thân mình ngay thẳng, gom thâu sự ghi nhớ chủ tâm vào đề mục tham thiền[29].

Thầy tỳ khưu ấy, dứt bỏ làm cho sạch không còn dư sót vui thích theo ngũ trần, dứt bỏ lòng thù oán, hãm hại, có tâm tế độ, giúp đỡ làm lợi ích cho chúng sanh, dứt bỏ làm cho sạch pháp hôn trầm (là sự mê tâm buồn ngủ) do nhờ sự ghi nhớ, biết mình và nhìn xem ánh sáng, dứt bỏ tâm phóng dật là tâm xao xuyến, buông lung theo cảnh giới, cố ráng làm cho tâm yên tịnh bên trong, lại dứt bỏ sự hoài nghi trong các pháp lành, tâm trong sạch và xa lánh sự hoài nghi.

Tâu Đại vương, cũng ví như người vay tiền của kẻ khác để làm công việc, công việc người ấy lại đạt kết quả tốt đẹp, người ấy lại trả hết nợ cũ, còn dư lại tiền của cũng nhiều, có thể nuôi gia đình đầy đủ, khi người ấy nhớ đến mình đã trả xong nợ rồi thì tâm thỏa thích vui mừng; hoặc ví như người mang bịnh nặng, rất đau khổ, cơm nước không ăn uống được, sức lực mòn mỏi, yếu đuối trong một lúc, sau người ấy được lành bịnh, ăn ngon, có sức khỏe bình phục lại như thường, người ấy mỗi khi nghĩ đến mình đã khỏi bịnh thì tâm rất thỏa thích vui mừng; hoặc ví như người bị giam cầm, sau khi được thả ra người ấy rất vui mừng vì được sự tự do thong thả; hoặc ví như người tù tội, sau khi được thả ra…; hoặc ví như người có nhiều của cải đem theo mình đi đường có nhiều sự tai hại, không cơm nước, có thú dữ, đạo tặc ở phía trước phía sau. Sau khi qua khỏi con đường nguy hiểm ấy thì người rất vui mừng thỏa thích như thế nào thì, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu khi suy xét thấy năm pháp che lấp (*nivaraṇa*) ngăn cản còn trong thân tâm thì tâm cũng lo sợ như người thiếu nợ, có bịnh, bị giam, bị tội tù và đường nguy hiểm ấy. Khi nào suy xét thấy năm pháp che lấp không còn trong thân tâm nữa vì đã thoát khỏi rồi thì tâm cũng vui mừng thỏa thích phát sanh lên, khi tâm thỏa thích phát sanh lên thì phỉ lạc cũng phát sanh, khi phỉ lạc phát sanh lên thì sự an tịnh cũng phát sanh, khi sự an tịnh phát sanh thì tâm được sự an lạc, khi tâm được sự an lạc rồi thì lần lần được an trụ.

Thầy tỳ khưu ấy, khi tâm đã xa lìa các trần, xa lìa các pháp ác rồi thì được đắc sơ thiền có những chi tầm, tứ, phỉ, lạc, an tịnh cũng phát sanh lên do nhờ tâm an trụ ấy. Thầy tỳ khưu ấy được hưởng sự an lạc đầy đủ trong tứ oai nghi và làm cho khắp cả thân mình được đầy đủ sự phỉ lạc và an tịnh. Tâu Đại vương, ví như người thạo việc tắm rửa cho kẻ khác, lấy mạt phấn và trầm để vào trong chén đồng rải nước cho đều rồi vò cục lại để thêm nước vào ngâm cho đến chiều thì các vật ấy tự nhiên dính nhẹo lại với nhau hết như thế nào thì thầy tỳ khưu cũng làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần đầy tràn sự phỉ lạc và an tịnh cũng như thế ấy. Tâu Đại vương, đây là quả báo của sự xuất gia, tự mình thấy rõ hiện tại, cao thượng, quí báu hơn tất cả các quả báo đã kể ở phía trước vậy.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu suy xét thấy sơ thiền còn bận rộn với chi tầm và sát, mới ráng trong sạch nhứt tâm niệm cho đắc nhị thiền, không có chi tầm và sát, chỉ còn có phỉ lạc và an tịnh phát sanh do thiền định mà thôi. Thầy tỳ khưu ấy làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần tràn trề sự phỉ lạc và an tịnh; ví như vùng nước sâu, đầy tràn lên nhưng các

[29] Có 40 đề mục, tùy theo đề mục nào mà mình thích hợp đã học.

nguồn nước từ hướng đông, tây, nam, bắc chảy đến cũng không mưa cũng không có rơi xuống vùng nước ấy nhưng tự nhiên nước trong mát mẻ trào lên làm cho vùng nước ấy được thấm thía đầy dẫy khắp mọi nơi như thế nào, thì thầy tỳ khưu ấy cũng làm cho khắp châu thân được thấm nhuần đầy dẫy sự phỉ lạc và an tịnh cũng như thế ấy. Tâu Đại vương, đó là quả báo của bậc sa-môn xuất gia, cao quí hơn các quả báo đã giải trước đây vậy.

Hơn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu suy xét chán nản sự phỉ lạc trong nhị thiền do nhờ tâm xả có sự ghi nhớ và biết mình, ráng dứt bỏ sự phỉ lạc rồi mới đắc tam thiền, chỉ còn có sự an tịnh mà thôi, các bậc thánh nhơn thường hay khen ngợi người đã đắc được tam thiền chỉ có tâm xả và sự ghi nhớ và hưởng sự khoái lạc vậy thôi, thì thầy tỳ khưu ấy cũng đắc được tam thiền và làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần đầy tràn sự an tịnh vì đã dứt bỏ sự phỉ lạc ở nhị thiền rồi, cũng ví như nơi đìa đầm chỗ bông súng, hoa sen trắng, sen đỏ mọc, có thứ mọc lên chưa tới mặt nước, ngập trong nước các thứ bông sen ấy tự nhiên thấm nhuần đầy dẫy nước mát từ gốc tới ngọn như thế nào thì thầy tỳ khưu khi đắc tam thiền rồi thì cũng làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần đầy dẫy sự an tịnh cũng như thế ấy. Tâu Đại vương, đây là quả báo của sa-môn xuất gia, cao thượng hơn các quả đã giải trước.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu ấy lại dứt bỏ cả vui, khổ mới đắc được tứ thiền không còn vui khổ, chỉ có sự ghi nhớ trong sạch và xả mà thôi, thầy tỳ khưu ấy làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần đầy dẫy tâm trong trẻo, cũng ví như người lấy vải trắng phau sạch sẽ đắp lên từ đầu đến chân rồi ngồi yên lặng, toàn khắp châu thân người ấy không có chỗ nào mà không có vải trắng phau như thế nào, thì thầy tỳ khưu cũng làm cho khắp cả châu thân được thấm nhuần đầy dẫy tâm trong sạch như thế ấy. Tâu Đại vương, đây là quả báo của bậc sa-môn xuất gia, tự mình thấy rõ hiện tại, cao thượng quí báu hơn các quả báo đã giải trước.

Thầy tỳ khưu ấy khi tâm được yên trụ, trong sạch, không tiếp xúc với phiền não, có trạng thái mềm dịu, có thể làm việc được dễ dàng, không rung động theo cảnh giới như thế rồi thì chú tâm đến pháp "minh sát tuệ" là cho thấy rõ, biết rõ thân ngũ uẩn này, nơi hội họp lại của tứ đại, phát sanh lên do cha mẹ, tấn hóa lên do nhờ vật thực có tánh cách không thường phải săn sóc tắm rửa, thoa bóp nhọc nhằn, nhưng rồi nó cũng sẽ tự nhiên tan rã, tâm thức của ta đây nương nhờ với thân này, dính líu với thân này, cũng ví như ngọc ma-ni trong trẻo có tám góc, thợ đã giồi mài xong, có chiếu nhiều ánh sáng, nếu có chỉ màu xanh, đỏ, trắng, vàng, nâu, đen xỏ vào viên ngọc ma-ni ấy, người có con mắt sáng, lại cầm cục ngọc ấy lên xem thì thấy rõ ràng đây là ngọc ma-ni, đây là chỉ màu như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm trong sạch rồi thì khi chú tâm vào pháp "minh sát tuệ" cũng thấy rõ thân tứ đại này có trạng thái vô thường, có nhiều sự bận rộn, săn sóc rồi nó cũng sẽ tan rã không sai vậy. Tâu Đại vương, đây là quả báo của sự xuất gia, cao thượng hơn các quả báo đã kể trước.

Khi tâm đã được trong sạch thanh tịnh như thế rồi, thầy tỳ khưu chú tâm để dùng pháp "hóa thân" là dùng tâm mình biến hóa ra thân hình khác có đầy đủ các thủ túc và các bộ phận, lục căn đều tốt đẹp, ví như người rút tim bức ra khỏi cộng, hoặc ví như người rút gươm ra khỏi vỏ, hoặc ví như lột da rắn cho rời ra, người ấy thấy rằng: đây là gươm, đây là vỏ gươm, gươm này ta đã rút ra từ vỏ vậy, như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm đã được trong sạch thanh tịnh rồi thì chú tâm để dùng pháp "hóa thân" cũng thấy rõ đây là thân ta đã rút ra khỏi tâm như thế ấy. Đó là quả báo của sự xuất gia, cao thượng hơn các quả báo đã kể trước.

Thầy tỳ khưu ấy khi tâm được trong sạch và thanh tịnh như thế rồi thì chú tâm để biến hóa các pháp "thần thông", thầy tỳ khưu ấy có thể biến hóa một người thành ra nhiều người hoặc ngược lại, làm chỗ kín đáo thành ra chỗ trống hoặc ngược lại, đi thấu qua vách, qua rào, qua núi cũng như đi ngoài trống, lặn hụp trong mặt đất cũng như lặn hụp trong nước, đi trên mặt

nước cũng như đi trên đất, bay bổng trên hư không như loài phi cầm, rờ rẫm mặt trời, mặt trăng, có nhiều oai lực cũng được, hoặc làm thân mình lớn lên cho tới cõi trời Phạm Thiên. Tâu Đại vương, ví như người thợ làm đồ gốm đã rành nghề, khi đất sét đã nhồi dẻo dai kỹ lưỡng rồi muốn nắn ra món chi cũng được như ý muốn, hoặc ví như người thợ tiện hoặc chạm rành nghề, khi ngà, xương đã sửa soạn xong có thể làm ra vật chi cũng được như ý muốn như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm đã trong sạch thanh tịnh rồi có thể biến hóa các pháp thần thông được dễ dàng cũng như thế ấy. Đó là quả báo của sự xuất gia, rất cao thượng, quí báu hơn các quả báo đã giải trước.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu ấy khi tâm được trong sạch thanh tịnh rồi thì chú tâm để đắc "nhĩ thông" có lỗ tai thần có thể nghe được hai thứ tiếng là tiếng Chư Thiên và tiếng người, từ xa hoặc gần cũng được, cũng ví như người có lỗ tai tốt đi xa, khi nghe tiếng trống, chuông lớn nhỏ, tiếng còi, tiếng kèn đều nghe biết rõ rệt không sai lầm như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm được trong sạch thanh tịnh rồi có thể đắc được nhĩ thông nghe cả hai thứ tiếng cũng như thế ấy. Đó là quả báo của bậc xuất gia, rất cao thượng, quí báu hơn các quả báo đã giải trước.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu ấy khi tâm được trong sạch thanh tịnh rồi thì chú tâm để đắc "tha tâm thông" có thể biết được tâm kẻ khác, như tâm ái tình hoặc tâm không có ái tình; tâm sân hận, hoặc tâm không sân hận; tâm si mê hoặc tâm không si mê; tâm muốn hôn mê (là tâm dụ dự lười biếng) hoặc tâm không hôn mê; tâm phóng dật hoặc tâm không phóng dật; tâm quảng đại[30] hoặc tâm không quảng đại[31]; tâm này còn có tâm khác cao thượng hơn hoặc tâm này không còn tâm nào cao thượng hơn[32]; tâm yên trụ[33] hoặc tâm không yên trụ[34]; tâm giải thoát hoặc tâm chưa giải thoát. Tâu Đại vương, cũng ví như người thiếu niên nam nữ ưa thích sự trang điểm, khi soi hình trong kiếng hoặc trong nước tự nhiên thấy rõ gương mặt mình sạch, dơ, có mụn tàn nhang hay không có cũng thấy rõ như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm được trong sạch rồi cũng có thể thấy được, biết được tâm của kẻ khác rõ rệt cũng như thế ấy. Đó là quả báo rất cao thượng của bậc xuất gia, hơn các quả báo đã giải trước.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu ấy khi tâm đã được trong sạch thanh tịnh như thế rồi thì chú tâm để đắc "túc mạng thông" là biết rõ những tiền kiếp của mình và của chúng sanh từ 1 kiếp 2, 3, 4, 5, 10, 100, 1000, 10.000 kiếp cho đến vô lượng vô biên, hằng hà sa số kiếp[35], mỗi kiếp đều nhớ rõ sanh nơi nào, hưởng sự vui khổ như thế nào, tuổi thọ bao nhiêu, khi chết nơi ấy rồi sinh lại nơi nào cũng đều nhớ rõ, ví như có người bỏ xứ mình đi qua xứ khác, người ấy có thể nhớ rõ lại lúc mình ở nơi xứ người, ngồi, đứng, đi như thế này, nói chuyện hoặc làm thinh như thế này đều nhớ rõ không sai lầm như thế nào, thì thầy tỳ khưu khi tâm được trong sạch rồi cũng có thể đắc được "túc mạng thông" biết rõ những tiền kiếp của mình và của chúng sanh như thế ấy. Đó là quả báo của bậc sa-môn xuất gia rất cao thượng và quí báu hơn các quả báo đã giải trước.

Còn nữa, tâu Đại vương, thầy tỳ khưu ấy khi tâm đã được trong sạch thanh tịnh như thế rồi thì chú tâm để đắc "nhãn thông" cũng gọi là "sanh diệt thông" là thấy rõ sự sanh diệt của

---

[30] Là tâm đắc thiền về cảnh sắc giới.
[31] Là tâm chưa đắc cõi thiền nào, là tâm còn ở cảnh dục giới.
[32] Là tâm đã đắc thiền hữu sắc và vô sắc.
[33] Là tâm đã cận định hoặc nhập định.
[34] Là tâm chưa được cận định hoặc nhập định.
[35] Kiếp (*kappa*) có bốn là: từ quả địa cầu khởi sự hư hoại cho đến lửa cháy thiêu hết gọi là kiếp hoại (*saṃvaṭṭakappa*); từ khi lửa cháy hết chỉ còn khí u u minh minh gọi là kiếp không (*saṃvaṭṭaṭṭhāyikappa*); từ khi quả địa cầu mới phát sanh lên cho đến khi có mặt trời, mặt trăng gọi là kiếp thành (*vivaṭṭakappa*); từ khi mặt trời mặt trăng sanh lên cho đến khi khởi sự hư hoại gọi là kiếp trụ (*vivaṭṭahayikappa*). Bốn tiểu kiếp này gọi là đại kiếp (*mahākappa*) (xem tập 14, tr.202).

chúng sanh do nơi nhãn thông, thầy tỳ khưu ấy có nhãn thông trong sạch vượt qua khỏi nhục nhãn của thường nhơn, thấy rõ sự sanh diệt của chúng sanh, thấp hèn hoặc cao thượng, hình dạng xấu tốt ở cảnh giới vui khổ đều do duyên nghiệp của mình gây nên, như chúng sanh nào tạo ra những nghiệp ác do thân khẩu ý, khi dể các bậc thánh nhơn, chấp theo tà kiến, sau khi chết rồi phải thọ sanh vào cảnh khổ như súc sanh, a-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục; còn chúng sanh nào tạo ra những nghiệp lành do thân khẩu ý trong sạch, hay cung kính khen ngợi các bậc thánh nhơn, có chánh kiến, tạo ra những nghiệp lành do chánh kiến ấy, sau khi chết được sanh về nhàn cảnh là sanh làm người giàu sang hoặc sanh về cõi thiên đàng, cũng ví như người ngồi trên lầu canh gác ở chính giữa ngã tư đường, trong đô thị, có cặp mắt sáng, đứng trên lầu ấy thấy rõ mọi người đi vào nhà, ra khỏi nhà, đi tới lui theo đường, ngồi đứng theo hai bên đường đều thấy rõ như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm được trong sạch không bợn nhơ, lẫn lộn với tùy phiền não rồi thì chú tâm để đắc "nhãn thông" thấy rõ sự sanh diệt luân hồi của chúng sanh cũng như thế ấy. Đó là quả báo của bậc sa-môn xuất gia cao thượng hơn tất cả các quả báo đã giải trước.

Hơn nữa, tâu Đại vương, khi thầy tỳ khưu ấy tâm đã được trong sạch, không có tiếp xúc với phiền não, có trạng thái mềm mại, có thể làm việc được dễ dàng, không rung động theo cảnh giới như thế rồi thì chủ tâm cho đắc "lậu tận thông" (*asavakkhaya ñāna*) là trí tuệ thấy rõ pháp, diệt trừ các pháp trầm luân[36], thầy tỳ khưu ấy thấy rõ đúng theo chân lý đây là khổ, đây là nguyên nhân để phát sanh lên sự khổ, đây là Niết-bàn nơi diệt tắt cái khổ, đây là con đường bát thánh đạo thực hành theo để đi đến nơi diệt khổ; và biết rõ đây là pháp trầm luân đây là nguyên nhân để phát sanh lên pháp trầm luân, đây là Niết-bàn là nơi diệt tắt các pháp trầm luân, đây là con đường thực hành để diệt tận các pháp trầm luân. Khi thầy tỳ khưu thấy rõ như thế thì tâm được giải thoát khỏi pháp trầm luân trong ngũ trần dục cảnh, trầm luân trong tam giới, trầm luân trong vô minh[37], khi tâm của thầy tỳ khưu đã giải thoát như thế rồi thì tự biết rằng "Tâm ta đã hoàn toàn giải thoát", sự sanh của ta cũng đã dứt rồi, con đường phạm hạnh ta đã thực hành tròn đủ rồi, mười sáu phận sự phải làm ta đã làm xong rồi[38], đạo hạnh nào mà phải thực hành cũng không còn nữa, kiếp này là kiếp chót của ta vậy.

Tâu Đại vương, cũng ví như một ao vũng, nước ở trên núi thật trong, không nhơ bẩn, người có cặp mắt sáng đứng dựa mé nước ấy thấy rõ ốc, hến, sạn, đá, cá, ếch đang lội tới lui hoặc dừng lại ở trong nước đó một cách rõ rệt như thế nào thì thầy tỳ khưu khi tâm đã được trong sạch rồi thì chú tâm để đắc pháp "lậu tận thông" là trí tuệ thấy rõ và diệt trừ các pháp trầm luân cũng như thế ấy.

Tâu Đại vương, đó là quả báo của bậc sa-môn xuất gia cao thượng, quý báu hơn tất cả các quả báo đã giải trước, lại nữa, cũng không còn quả báo nào cao thượng hơn các quả báo của bậc xuất gia mà Như Lai đã giảng giải vậy".

– Khi Đức Phật giảng xong, đức vua A-Xà-Thế bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hay quá, đúng quá, cũng ví như người lật ngửa vật đã úp, hoặc như mở trống vật người che đậy, hoặc như chỉ đường cho người lạc lối, hoặc ví như đốt đèn lên trong chỗ tối cho người có mắt sáng được thấy rõ mọi vật như thế nào thì pháp mà Đức Thế Tôn đã

[36] Trầm luân có 3 hoặc 4 là: trầm luân trong ngũ trần, trầm luân trong tam giới, trầm luân trong vô minh, nếu 4 thì ta thêm trầm luân trong kiến thức.

[37] Xin xem nhân quả liên quan đã có giải rõ.

[38] Mười sáu phận sự là: 1.*dukkhaṃpariññeyyaṃ* - ta biết rõ cái khổ, 2.*dukkhasamudayopahātābbo* - nguyên nhân phát sanh lên cái khổ ta phải dứt bỏ, 3.*dukkhanirodhosacchikātabbo* - sự diệt tắt khổ ta phải làm cho rõ rệt (xong), 4.*dukkhanirodha gāminipaṭipada bhāvetabbo* - sự thực hành để diệt tắt cái khổ ta phải thực hành; mỗi thánh đạo là Tu-đà-huờn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo và A-la-hán đạo đều có 4 phận sự, trong 4 thánh đạo thành ra 16 phận sự.

giảng giải ấy rất rộng rãi và rõ rệt như thế ấy. Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin thành kính quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin Đức Thế Tôn nhận biết cho tôi là người thiện nam đã quy y Tam bảo kể từ ngày nay cho đến trọn đời. Bạch Đức Thế Tôn, những tội lỗi mà tôi đã phạm là bởi tôi ngu tối, lầm lạc và không thông thạo nên đã nhẫn tâm sát hại phụ vương là một vị Pháp vương xa lìa cõi thọ, cũng vì muốn quyền cao lộc cả. Xin Đức Thế Tôn xá tội lỗi ấy cho tôi, đặng tôi được thu thúc từ nay về sau".

– "Tâu Đại vương, những tội lỗi đã phạm ấy nay Đại vương đã thấy rõ theo sự thật nên sám hối ăn năn, Như Lai cũng xá tội lỗi ấy cho Đại vương. Theo kinh luật của bậc Thánh nhơn, người nào thấy rõ tội lỗi của mình và biết ăn năn hối ngộ, sám hối tội lỗi ấy thì người ấy sẽ được sự tấn hóa không sai".

– Khi Đức Phật vừa dứt lời, thì đức vua bèn bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, tôi xin đảnh lễ Ngài để kiếu từ, vì tôi còn bận nhiều công việc triều chánh".

– "Tâu Đại vương, xin Đại vương tùy tiện theo thì giờ của Ngài".

Khi đó, đức vua rất hoan hỷ vui thích lời giảng của Đức Phật, đảnh lễ xong, đứng dậy đi vòng quanh Đức Phật rồi lui ra về.

Khi đức vua ra về rồi thì Đức Phật bèn cho gọi các thầy tỳ khưu mà nói rằng: "Này các thầy tỳ khưu, đức vua A-Xà-Thế đã đào hết các pháp lành của mình, nếu đức vua không giết cha thì ngài sẽ đắc Tu-đà-huờn đạo, xa lìa bụi nhơ nơi tâm trên chỗ ngồi đó không sai vậy".

Khi Đức Phật giảng xong, các thầy tỳ khưu lấy làm thỏa thích lời Ngài đã giảng giải ấy.

"Dứt quả báo của sự xuất gia"

Soạn xong tại Kratie, mùa xuân năm Mậu Tuất 1958 – Ph.L. 2501 (11-3-58)

– Dứt tác phẩm 10. Quả báo sa-môn –